

PHỤ LỤC 1.1

DANH MỤC HỒ SƠ PHÁP LÝ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ TỔ CHỨC

STT	Tên văn bản	Số lượng	Yêu cầu
1.	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập và hoạt động/Giấy phép đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương khác theo pháp luật nơi nhà đầu tư thành lập hoặc đăng ký kinh doanh (“Giấy Chứng Nhận Doanh Nghiệp”) (bản cập nhật thông tin thay đổi mới nhất, nếu có)	1	Bản sao chứng thực
2.	- Giấy chứng nhận đăng ký thuế (trừ trường hợp doanh nghiệp đã có mã số doanh nghiệp và mã số này đồng thời là mã số đăng ký kinh doanh và mã số thuế của doanh nghiệp); hoặc - Giấy đăng ký thuế của cơ quan thuế nước ngoài nơi tổ chức đó thành lập hoặc đăng ký kinh doanh (áp dụng cho nhà đầu tư nước ngoài và trong trường hợp không có tài liệu nêu tại Mục 1)	1	Bản sao chứng thực
3.	Điều lệ tổ chức hoặc tài liệu tương đương theo pháp luật nơi nhà đầu tư thành lập hoặc đăng ký kinh doanh. (bản cập nhật gần nhất)	1	Bản chính hoặc bản sao y công ty
4.	Văn bản bổ nhiệm/Văn bản ủy quyền của người đại diện ký kết (nếu người ký không phải là người đại diện được ghi nhận trên Giấy Chứng Nhận Doanh Nghiệp và/hoặc trong trường hợp Giấy Chứng Nhận Doanh Nghiệp không đề cập rõ người đại diện của tổ chức)	1	Bản chính hoặc bản sao y công ty
5.	- Thông báo mẫu chữ ký của Người đại diện theo pháp luật/người được ủy quyền ký kết trong trường hợp trên giấy ủy quyền chưa có chữ ký của người ủy quyền và người được ủy quyền; hoặc - Thông báo về mẫu dấu/hình thức ký hợp pháp khác theo pháp luật nơi nhà đầu tư thành lập hoặc đăng ký kinh doanh, kèm văn bản chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền nơi đó.	1	Bản chính hoặc bản sao y công ty
6.	Giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện ký kết: - Đối với người Việt Nam: Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực (giấy tờ chứng thực phải đồng nhất thông tin với văn bản thể hiện người đại diện ký kết); - Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài và thị thực/giấy tờ có giá trị thay thế thị thực còn hiệu lực	1	- Đối với người Việt Nam: Bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu. - Đối với người nước ngoài: Bản sao công chứng, bản sao chứng thực bởi Đại sứ quán/Lãnh sự quán hoặc bản gốc để đối chiếu.
Trong trường hợp Người đại diện theo pháp luật thực hiện ủy quyền trực tiếp hoặc ủy quyền nhiều cấp cho Người được ủy quyền/Đại diện ký kết thì với mỗi cấp ủy quyền yêu cầu cung cấp các văn bản sau:			
7.	Văn bản ủy quyền của Người đại diện theo pháp luật về việc ký kết các hợp đồng, văn bản giữa Nhà đầu tư tổ chức và MBS cho Người được ủy quyền/Đại diện ký kết.	1	Bản sao y công ty
8.	Thông báo mẫu chữ ký của Người được ủy quyền/Đại diện ký kết của Nhà đầu tư tổ chức. Lưu ý: Không cần cấp trong trường hợp đã có mẫu chữ ký của Người được ủy quyền/Đại diện ký kết tại Văn bản ủy quyền của Người đại diện theo pháp luật.	1	Bản gốc/Bản sao y công ty
9.	Giấy tờ chứng thực cá nhân của Người được ủy quyền/Đại diện ký kết của Nhà đầu tư tổ chức, cụ thể: • Đối với cá nhân trong nước: căn cước công dân/căn cước/hộ chiếu Việt Nam/giấy tờ tương đương còn hiệu lực; • Đối với cá nhân nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài và thị thực/giấy tờ có giá trị tương đương còn hiệu lực.	1	• Đối với cá nhân trong nước: Bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu; • Đối với cá nhân nước ngoài: bản sao chứng thực, Hợp pháp hóa lãnh sự hoặc Bản sao công chứng.